TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Võ Hồng Quận.**

2/ Ông **Nguyễn Quốc Triều.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim N,** sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn U thành hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 21/3/2011. Thời

gian vợ chồng chung sống được 10 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi do không hòa hợp nhau, đến năm 2022 chị bỏ về nhà cha mẹ ở Long An sống, vợ chồng cắt quan hệ cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh U. Về con chung, chị và anh U có 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/9/2012 và Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 02/12/2021, hiện 02 con đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn U đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2023 anh Nguyễn Văn T (Công an viên ấp X, xã Y) trình bày: Chị N và anh U thành hôn và chung sống tại xã Y khoảng 10 năm. Thời gian vợ chồng anh U sống chung ở địa phương không biết xảy ra mâu thuẫn gì, chị N đã đưa 02 con về Long An sinh sống khoảng 01 năm nay không có trở về địa phương nên không nắm được thông tin các cháu. Riêng anh U hiện tại vẫn còn cư trú tại ấp X, xã Y nhưng hàng ngày đi làm thuê cho người khác không có mặt tại nhà nên không trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N vắng mặt có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn U vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/9/2012 và Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 02/12/2021 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn U vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn U thành hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 21/3/2011 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn U có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị N đã mất lòng tin với anh U nên bỏ về nhà cha mẹ ở Long An sinh sống, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ khoảng 01 năm nay, cả hai vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh U vẫn vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh U không mong

muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn U có 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/9/2012 và Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 02/12/2021, hiện 02 con đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Gia B có ý văn bản thể hiện ý kiến muốn được sống chung với mẹ, anh Nguyễn Văn U đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến gì về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của con chung từ 07 tuổi trở lên nên cần giao con cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/9/2012 và Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 02/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Nguyễn Thị Kim N là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Văn U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị NguyễnThị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/9/2012 và cháu Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 02/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010920 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị N đã nộp đủ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (GCNKH số 30 ngày 21/3/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga